

TRƯỜNG THCS CHI LĂNG

TỔ NGŨ VĂN

NỘI DUNG BÀI HỌC TRỰC TUYẾN

(Tuần 1 từ 6/9 đến 10/9)

KHỐI 8

TRONG LÒNG MẸ

(Nguyễn Hồng)

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả Nguyễn Hồng (1918 - 1982)

2. Tác phẩm

- Trích từ chương IV của tác phẩm *Những ngày thơ ấu* (1938).

- Thể loại: Hồi ký

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Nhân vật người cô

a. Lời nói:

- Nhiều lần hỏi bé Hồng về mẹ, chạm đến nỗi nhớ mẹ của bé Hồng.

- Khinh miệt và châm chọc mẹ của bé Hồng.

b. Hành động, thái độ:

- Thái độ: cười hỏi; giọng ngọt; hai con mắt long lanh nhìn chăm chú; tươi cười kể chuyện, bỗng nhiên đổi giọng; nghiêm nghị.

- Cố tình đánh trúng vào tình yêu thương mẹ của bé Hồng, bôi xấu, nhục mạ và khinh miệt hình ảnh mẹ, tìm mọi cách để chia lìa tình cảm mẹ con trong lòng bé Hồng.

→ Người cô đã bộc lộ những định kiến hẹp hòi về nhân vật người mẹ, lòng ích kỷ, sự tàn nhẫn, độc ác với đứa cháu và người chị dâu bất hạnh.

2. Nhân vật bé Hồng

a. Trong cuộc đối thoại với người cô:

- Bé Hồng hiểu sâu sắc những dối trá cay độc trong lời nói của người cô.
- Tin tưởng mẹ sẽ trở về.
- Đau đớn đến cùng cực vì không bảo vệ được mẹ.
- Thương xót mẹ vì cảnh ngộ mà phải giấu giếm, đói khổ, rách rưới và xa lìa con.

→ Khẳng định mạnh mẽ tình yêu với mẹ, không tin vào bất cứ lời cay độc, ác ý nào của người cô khi kể chuyện về mẹ.

b. Khi gặp mẹ:

- Thoáng thấy bóng người giống mẹ, Hồng chạy theo và còn gọi rối rít.
- Khao khát được gặp mẹ.
- Khi được gặp mẹ và ngồi trong lòng mẹ:
 - + Khóc nức nở, thấy mẹ vẫn xinh đẹp như xưa.
 - + Cảm nhận được những cảm giác ấm áp mơn man khắp da thịt.
 - + Mọi lời nói cay độc của người cô tan biến.

→ Bé Hồng nhạy cảm, hiểu sâu sắc mọi chuyện, có tâm hồn trong trắng và yêu thương mẹ vô bờ bến.

III. TỔNG KẾT (Ghi nhớ/ SGK/ 21)

TÔI ĐI HỌC

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Hiểu được tâm trạng hồi hộp, cảm giác bồn chồn của nhân vật “tôi” trong buổi tựu trường đầu tiên</p> <p><u>Hoạt động:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy đọc đoạn 1: Từ đầu... “hôm nay tôi đi học” (SGK/5) và thực hiện các yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> + Nhớ buổi tựu trường được khơi nguồn từ thời điểm nào ? + Em có nhận xét gì về thời điểm ấy? + Cảnh thiên nhiên, cảnh sinh hoạt hiện lên như thế nào? + Tìm những từ láy miêu tả tâm trạng, cảm xúc của nhân vật “tôi” khi nhớ lại kỉ niệm cũ? + Tóm lại cảm giác của nhân vật “tôi” khi nhớ về kỉ niệm là một cảm giác như thế nào? - Em hãy đọc đoạn tiếp theo: từ “Tôi không lội qua sông” ... “trên ngọn núi” và thực hiện các yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> + Khi cùng mẹ tới trường, nhân vật “tôi” có cảm giác như thế nào? + Cử chỉ, lời nói nào của nhân vật “tôi” khiến em chú ý hơn cả? + Theo em những từ “<i>thèm, bặm, ghè, xệch, chúi, muốn.....</i>” là những từ loại gì? - Em hãy đọc đoạn kế tiếp “Trước sân trường” ... “trong các lớp” và thực hiện các yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> + Nhân vật có tâm trạng và cảm giác như thế nào khi nhìn ngôi trường ngày khai giảng, khi nhìn mọi người và các bạn? + Em có nhận xét gì về cách kể và tả đó?

	<p>+ Qua 3 đoạn văn trên em thấy tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy đọc đoạn từ “Ông đốc” ... “chút nào hết” và thực hiện các yêu cầu sau: <p>+ Tâm trạng của nhân vật “tôi” khi nghe ông Đốc đọc bản danh sách học sinh mới như thế nào? Theo em tại sao “tôi” lúng túng?</p> <p>+ Vì sao “tôi” bất giác giúi đầu vào lòng mẹ nức khóc khi chuẩn bị vào lớp?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy phân còn lại và thực hiện các yêu cầu sau: <p>+ Tâm trạng của nhân vật “tôi” khi bước vào chỗ ngồi lạ lùng như thế nào?</p> <p>+ Dòng chữ “Tôi đi học” kết thúc truyện có ý nghĩa gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi đọc xong văn bản, em hãy ngừng lại vài phút để suy ngẫm về: <p>+ Thái độ, cử chỉ của những người lớn (Ông Đốc, thầy giáo trẻ, người mẹ...) như thế nào? Điều đó nói lên điều gì?</p> <p>+ Em đã học những văn bản nào có tình cảm ấm áp, yêu thương của những người mẹ đối với con?</p>
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành bài tập 2 phần Luyện tập (SGK/9): <p>Viết bài văn ngắn ghi lại ấn tượng của em trong buổi đến trường khai giảng lần đầu tiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành bài tập trắc nghiệm sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Văn bản “Tôi đi học” có chủ đề gì? <ul style="list-style-type: none"> A.Kỷ niệm sâu sắc về tuổi học trò của tác giả. B.Ý nghĩa và vai trò của nhà trường đối với cuộc đời mỗi con người. C.Dòng cảm nghĩ thiết tha sâu lắng của tác giả khi nhớ lại ngày đầu tiên đi học. D.Tâm trạng hồi hộp của nhân vật trong buổi tựu trường đầu tiên.

	<p>2. Nhận xét nào nói đúng nhất những yếu tố góp phần tạo nên chất thơ của tác phẩm?</p> <p>A. Truyện được bố cục theo dòng hồi tưởng, cảm nghĩ của nhân vật "tôi" theo trình tự thời gian của buổi tựu trường.</p> <p>B. Có sự kết hợp hài hòa giữa các phương thức tạo lập văn bản như tự sự, miêu tả, biểu cảm.</p> <p>C. Tình huống truyện chứa đựng chất thơ kết hợp với việc sử dụng các hình ảnh so sánh giàu chất trữ tình.</p> <p>D. Cả A, B, C đều đúng.</p> <p>- Suu tầm những tác phẩm văn học, âm nhạc, điện ảnh,... câu thơ viết về chủ đề mái trường hoặc tuổi học trò.</p>
--	---

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục:	

TRƯỜNG THCS CHI LĂNG

TỔ NGŨ VĂN

NỘI DUNG BÀI HỌC TRỰC TUYẾN

(Tuần 2 từ 13/9 đến 17/9)

KHỐI 8

TỨC NƯỚC VỠ BỜ

(Ngô Tất Tố)

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả: Ngô Tất Tố

2. Tác phẩm:

- Trích từ tác phẩm “Tắt đèn”
- Thể loại tiểu thuyết
- Nhan đề: “tức nước vỡ bờ” và sức mạnh to lớn khôn lường của sự “vỡ bờ” đó.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Nhân vật chị Dậu

a. Chị Dậu khi chăm sóc chồng

- Hành động: múc cháo, quạt...
- Cử chỉ: rón rén, chò xem chồng ăn có ngon miệng không?

→ Chăm sóc chồng chu đáo

→ Là người phụ nữ tảo tần, hi sinh, chăm sóc, yêu thương chồng con hết mực.

b. Chị Dậu trong cuộc đối đầu với cai lệ

- Chị Dậu : “van xin tha thiết”
- Xung hô: Ông – cháu → tôi – ông → Mày – bà

- Sức mạnh của *lòng căm hờn* – đó cũng là *sức mạnh của lòng yêu thương*.
- Chị Dậu mộc mạc, hiền dịu, đầy vị tha, sống khiêm nhường, biết nhẫn nhục chịu đựng, nhưng vẫn có *một sức sống mạnh mẽ, một tinh thần phản kháng tiềm tàng*; một thái độ

→ Là một người phụ nữ thương chồng, thương con hết mực.

2. Nhân vật cai lệ

- Cai lệ là một viên cai chỉ huy một tốp lính ở nông thôn thời trước cách mạng, thường được bọn quan lại cho phép sử dụng bạo lực để đàn áp người dân theo lệnh của chính quyền.
- Tàn bạo, không chút tính người là bản chất, tính cách của hắn.
- Hung dữ, tàn nhẫn, vô nhân tính

o Giá trị nghệ thuật của đoạn trích

- Đoạn văn tuyệt khéo:
 - Sự dồn nén, “ tức nước” để đến “vỡ bờ” được Ngô Tất Tố diễn tả rất tự nhiên, hợp lí.
 - Nghệ thuật diễn tả câu chuyện, hành động cũng thật tài tình, sinh động. Chú ý cách diễn tả theo lời tăng tiến động tác, lời nói của nhân vật cai lệ và chị Dậu. Đoạn văn này sống động như một màn kịch ngắn.
- Nhân vật được khắc hoạ rất chân thực, sinh động, rõ nét, thể hiện sự diễn biến tâm lí của nhân vật chị Dậu rất hợp lí.

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ (SGK/33)

TÍNH THÔNG NHẤT VỀ CHỦ ĐỀ CỦA VĂN BẢN

I. CHỦ ĐỀ CỦA VĂN BẢN

▪ Tìm hiểu văn bản “Tôi đi học”

- Kỉ niệm về buổi tựu trường đầu tiên với tâm trạng hồi hộp, bồn chồn.
- Tác giả thấy lòng rộn rã, băng khuâng như đang được sống lại những ngày tuổi thơ trong sáng ấy.
- Văn bản xoay quanh việc kể lại những kỉ niệm về ngày đầu tiên đi học với nhiều tâm trạng khác nhau.
- Tâm trạng của nhân vật tôi.

→ Chủ đề văn bản: Ghi nhớ ý 1, SGK/12

II. TÍNH THÔNG NHẤT VỀ CHỦ ĐỀ CỦA VĂN BẢN

▪ Tìm hiểu văn bản “Tôi đi học”

Những kỉ niệm của tác giả về buổi đầu tiên đến trường được thể hiện thông qua các yếu tố:

- Nhan đề : Tôi đi học
- Các câu đầu nhắc đến kỉ niệm của buổi tựu trường đầu tiên trong đời.
- Văn bản “*Tôi đi học*” tập trung tô đậm “cảm giác trong sáng” nảy nở trong lòng nhân vật “tôi” ở buổi đến trường đầu tiên trong đời bằng nhiều chi tiết nghệ thuật khác nhau
 - *Hôm nay tôi đi học.*
 - *Hàng năm cứ vào cuối thu... lòng tôi lại nao nức những niềm mong man của buổi tựu trường*
 - *Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy.*
 - *Hai quyển vở mới đang ở trên tay tôi đã bắt đầu thấy nặng.*
 - *Tôi bặm tay ghì thật chặt nhưng một quyển vở cũng xệch ra và chênh đầu chúi xuống đất*

→ Nhận xét: Văn bản có đối tượng xác định, có tính mạch lạc.

- Nhan đề
- Quan hệ giữa các phần của văn bản
- Các câu, các từ ngữ tập trung biểu hiện chủ đề

→ *Tính thống nhất về chủ đề của văn bản*: Ghi nhớ, ý 2-3/SGK/12

III. LUYỆN TẬP

Làm các bài tập 1,2,3 trong SGK/13-14

CẤP ĐỘ KHÁI QUÁT NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Xác định được nghĩa của từ và biết cách sử dụng từ ngữ trong đời sống hàng ngày cũng như trong các văn bản</p> <p><u>Hoạt động:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tìm hiểu từ ngữ nghĩa rộng và từ ngữ nghĩa hẹp <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy quan sát sơ đồ trong SGK/10 và trả lời các câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Giữa từ “động vật” và từ “thú”, “chim”, “cá” thì nghĩa của từ nào rộng hơn? + Giữa từ “thú” với “hươu”, “voi”, ... thì nghĩa từ nào hẹp hơn? Em hãy cho biết lý do vì sao. <ul style="list-style-type: none"> - Qua phân tích và trả lời câu hỏi biết được thế nào là từ ngữ nghĩa rộng và từ ngữ nghĩa hẹp? - Em hãy cho thêm một số ví dụ về từ ngữ nghĩa rộng và từ ngữ nghĩa hẹp
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập 1,2,3 ,4(SGK/10,11 - Viết một đoạn văn từ (8 -10) câu có sử dụng từ ngữ nghĩa rộng và nghĩa hẹp gạch chân dưới những từ ngữ đó.

B. Thắc mắc của học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Ngữ văn	Mục:	

TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG VÀ BIỆT NGỮ XÃ HỘI

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Nhận biết được từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội và sử dụng đúng từ ngữ trong đời sống và giao tiếp</p> <p><u>Hoạt động:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tìm hiểu về từ ngữ địa phương <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy đọc các ví dụ (SGK/56) và trả lời câu hỏi: + Trong ba từ “bấp”, “bẹ”, “ngô” từ nào là từ địa phương, từ nào được sử dụng phổ biến toàn dân? - Em hãy cho biết từ ngữ địa phương là gì? Từ ngữ địa phương được dùng trong trường hợp nào? - Em hãy cho ví dụ và đặt câu với một số từ ngữ địa phương mà em tìm được. ▪ Tìm hiểu về biệt ngữ xã hội <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy đọc ví dụ a, b trong SGK/ 57 và trả lời câu hỏi: + Các từ “ngỗng”, “trúng tử” có nghĩa gì? Tầng lớp nào hay thường dùng - Biệt ngữ có đặc điểm gì khác với từ ngữ địa phương? - Em hãy cho một ví dụ về biệt ngữ xã hội. ▪ Tìm hiểu cách sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội

	<ul style="list-style-type: none"> - Khi sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội ta cần lưu ý những gì? - Tại sao trong thơ văn, tác giả vẫn dùng từ địa phương và biệt ngữ xã hội?
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập 1, 2,3,5 SGK/ 59 - Tìm từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội trong các văn bản “Tôi đi học”, “Trong lòng mẹ”, “Tức nước vỡ bờ” và “Lão Hạc”. - Viết một đoạn văn từ (8-10 câu) có sử dụng ít nhất 2 từ ngữ địa phương và 2 biệt ngữ xã hội. Gạch chân dưới những từ ngữ đó.

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

TRƯỜNG THCS CHI LĂNG

TỔ NGŨ VĂN

NỘI DUNG BÀI HỌC TRỰC TUYẾN

(Tuần 3 từ 20/9 đến 24/9)

KHỐI 8

LÃO HẠC

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả Nam Cao

2. Tác phẩm

- Hoàn cảnh sáng tác: viết năm 1943.

- Nội dung:

- Số phận người nông dân trước cách mạng tháng Tám qua nhân vật lão Hạc: già cả, cô đơn, bị bần cùng hoá phải chọn cái chết đau đớn để bảo toàn tài sản cho con.
- Tâm lòng yêu thương, cảm thông, trân trọng và phát hiện ra những vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân trong cảnh khốn cùng.

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Nhân vật lão Hạc

- Hoàn cảnh:

- Là người nông dân nghèo khổ, không biết chữ, góa vợ, già yếu và cô đơn, bị bần cùng hoá, đói ngay trên chính mảnh vườn của mình.
- Tình cảnh của lão Hạc cũng là tình cảnh của bao số phận con người ở nông thôn Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.

- Tính cách:
 - Lòng tự trọng và đề cao phẩm giá, nhân phẩm quý hơn tính mạng.
 - Thương con hơn cả mạng sống của mình.

→ Ở lão Hạc có tính cách, phẩm chất cao quý của người nông dân trước cách mạng tháng Tám.

2. Nhân vật ông giáo

- Là người kể lại câu chuyện, bề ngoài có thái độ khách quan, bình tĩnh, nhưng bên trong chứa chan tình cảm với lão Hạc.
- Là người có chữ nghĩa, uy tín trong làng, đi nhiều, biết rộng, là người lão Hạc tâm sự và gửi gắm tài sản cho đứa con trai, là người chứng kiến và biết rõ nguyên nhân cái chết của lão Hạc.

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ (SGK/48)

BỐ CỤC CỦA VĂN BẢN

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Biết sắp xếp các nội dung của văn bản theo một trình tự nhất định.</p> <p><u>Hoạt động:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Khái niệm: Bố cục của văn bản là sự tổ chức các đoạn văn để thể hiện chủ đề. ▪ Tìm hiểu đặc điểm bố cục của văn bản <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy đọc văn bản “<i>Người thầy đạo cao đức trọng</i>” (SGK/24) và thực hiện các yêu cầu: <p>+ Văn bản <i>Người thầy đạo cao đức trọng</i> có thể chia thành mấy phần? Chỉ ra các phần đó.</p> <p><u>Gợi ý:</u> Văn bản có thể chia thành 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở bài (đoạn 1): Giới thiệu khái quát về thầy Chu Văn An. - Thân bài (đoạn 2,3): Tài và đức của thầy Chu Văn An. - Kết bài (đoạn 4): Tình cảm dành cho thầy Chu Văn An. <p>+ Hãy cho biết nhiệm vụ của từng phần trong văn bản <i>Người thầy đạo cao đức trọng</i>.</p> <p><u>Gợi ý:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở bài: Nêu chủ đề của văn bản. - Thân bài: Trình bày các khía cạnh của vấn đề. - Kết bài: Tổng kết chủ đề.

+ Phân tích mối quan hệ giữa các phần trong văn bản *Người thầy đạo cao đức trọng*.

Gợi ý: 3 phần có mối quan hệ theo sự phát triển của sự việc.

(?) Từ phân tích trên, hãy cho biết một cách khái quát: Bố cục của văn bản gồm mấy phần? Nhiệm vụ của từng phần là gì? Các phần của văn bản có mối quan hệ với nhau như thế nào?

Kết luận: Bố cục của văn bản gồm ba phần: mở bài, thân bài, kết bài và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau:

- Mở bài: Nêu ra chủ đề của văn bản.
- Thân bài: Triển khai, trình bày các khía cạnh của chủ đề.
- Kết bài: Tổng kết chủ đề của văn bản.

▪ Tìm hiểu cách bố trí, sắp xếp nội dung phần thân bài của văn bản

+ Văn bản “*Trong lòng mẹ*” của Nguyên Hồng chủ yếu trình bày diễn biến tâm trạng của cậu bé Hồng. Hãy chỉ ra những diễn biến của tâm trạng cậu bé trong phần thân bài.

Gợi ý: Tình thương mẹ và thái độ căm ghét cực độ những cô tặc đã đày đoạ mẹ. Niềm vui sướng khi được ngồi trong lòng mẹ.

+ Khi tả người, vật, con vật, phong cảnh... em sẽ lần lượt miêu tả theo trình tự nào? Hãy kể một số trình tự thường gặp mà em biết.

Gợi ý: Tả người (tình cảm, cảm xúc); tả vật (chính thể, bộ phận); tả phong cảnh (không gian).

	<p>+ Phần Thân bài của văn bản “<i>Người thầy đạo cao đức trọng</i>” nêu các sự việc để thể hiện chủ đề “<i>người thầy đạo cao đức trọng</i>”. Hãy cho biết cách sắp xếp các sự việc ấy.</p> <p><u>Gợi ý</u>: Các sự việc nói về Chu Văn An là người tài cao, có đức, được học trò kính mến.</p> <p>+ Từ các bài tập trên và bằng sự hiểu biết của mình, hãy cho biết cách sắp xếp nội dung phần Thân bài của văn bản.</p> <p>Kết luận: Nội dung phần Thân bài được trình bày tùy thuộc vào kiểu văn bản, chủ đề, ý đồ giao tiếp, nhìn chung được sắp xếp theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình tự thời gian, trình tự không gian - Sự phát triển của sự việc. - Mạch suy luận.
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i></p>	<p>Câu 1: Nếu phải trình bày về lòng thương mẹ của chú bé Hồng ở văn bản “<i>Trong lòng mẹ</i>”, em sẽ trình bày những ý gì và sắp xếp chúng ra sao?</p> <p>Câu 2: Từ câu chủ đề “<i>Cuộc sống sẽ thật ý nghĩa nếu con người biết vươn tới những khát vọng, ước mơ cao đẹp</i>” em hãy chia sẻ những khát vọng, mơ ước của bản thân để làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn.</p> <p><u>Gợi ý</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích câu chủ đề. - Khát vọng của bản thân mình là gì? - Tại sao lại có những khát vọng như thế? - Bản thân sẽ làm gì để đạt những khát vọng ấy?

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ Văn	Mục:	

XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Hiểu được khái niệm đoạn văn, câu chủ đề, quan hệ giữa các câu trong một đoạn văn.</p> <p><u>Hoạt động</u></p> <ul style="list-style-type: none">▪ Tìm hiểu về khái niệm và đặc điểm của Đoạn văn <ul style="list-style-type: none">- Em hãy đọc văn bản <i>Ngô Tất Tố và tác phẩm “Tắt đèn”</i> (SGK/34) và thực hiện các yêu cầu:<ul style="list-style-type: none">+ Văn bản <i>Ngô Tất Tố và tác phẩm “Tắt đèn”</i> gồm mấy ý? Mỗi ý được viết thành mấy đoạn? <p><u>Gợi ý:</u> Văn bản gồm 2 ý. Mỗi ý được viết thành 2 đoạn.</p> <ul style="list-style-type: none">+ Em thường dựa vào dấu hiệu hình thức nào để nhận biết đoạn văn? <p><u>Gợi ý:</u> Đoạn văn bắt đầu bằng một chữ in hoa, lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng, biểu đạt hoàn chỉnh ý.</p> <ul style="list-style-type: none">+ Hãy khái quát các đặc điểm cơ bản của đoạn văn và cho biết thế nào là đoạn văn? <p>Kết luận: Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản. Đoạn văn có những đặc điểm cơ bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Về hình thức:<ul style="list-style-type: none">+ Bắt đầu từ chữ viết hoa, lùi đầu dòng.+ Kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng.

+ Đoạn văn có thể là một hay nhiều câu sắp xếp theo trình tự hợp lý.

- Về nội dung:

+ Biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh.

+ Đoạn văn thường thống nhất với chủ đề của văn bản, chủ đề của đoạn văn được thể hiện qua từ ngữ chủ đề hoặc câu chủ đề.

▪ **Tìm hiểu về từ ngữ và câu trong đoạn văn**

- Em hãy đọc đoạn thứ nhất của văn bản *Ngô Tất Tố và tác phẩm “Tắt đèn”* và tìm các từ ngữ có tác dụng duy trì đối tượng trong đoạn văn (từ ngữ chủ đề).

Gợi ý: Từ ngữ duy trì đối tượng là: Ngô Tất Tố, Nhà văn, Ông.

- Em hãy đọc đoạn thứ hai của văn bản *Ngô Tất Tố và tác phẩm “Tắt đèn”* và tìm câu then chốt của đoạn văn (câu chủ đề). Vì sao em biết đó là câu chủ đề của đoạn?

Gợi ý: Câu then chốt “*Tắt đèn là tác phẩm tiêu biểu nhất của Ngô Tất Tố*”. Đây là câu chủ đề vì câu này khái quát nội dung của toàn đoạn.

- Từ các nhận thức trên, em hiểu từ ngữ chủ đề và câu chủ đề là gì? Chúng đóng vai trò gì trong văn bản?

Kết luận:

- Từ ngữ chủ đề là các từ ngữ được dùng làm đề mục hoặc các từ ngữ được lặp lại nhiều lần nhằm duy trì đối tượng được biểu đạt.

	<ul style="list-style-type: none"> - Câu chủ đề là câu mang nội dung khái quát, lời lẽ ngắn gọn. thường đứng ở đầu hoặc cuối đoạn văn. - Các câu trong đoạn văn có nhiệm vụ triển khai và làm sáng tỏ chủ đề của đoạn bằng các phép diễn dịch, quy nạp, song hành. <ul style="list-style-type: none"> + Diễn dịch: Câu chủ đề đứng đầu đoạn văn, các câu sau tập trung làm rõ câu chủ đề. + Quy nạp: Câu chủ đề đứng cuối đoạn văn, tổng kết các ý phân tích ở các câu trên. + Song hành: Các câu có quan hệ ngang hàng.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Với câu chủ đề “<i>Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta</i>”, hãy viết một đoạn văn theo cách diễn dịch để làm sáng tỏ câu chủ đề trên.

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ Văn	Mục: ...	

TRƯỜNG THCS CHI LĂNG

TỔ NGŨ VĂN

NỘI DUNG BÀI HỌC TRỰC TUYẾN

(Tuần 4 từ 27/9 đến 1/10)

KHỐI 8

TRƯỜNG TỪ VỰNG

I. THẾ NÀO LÀ TRƯỜNG TỪ VỰNG?

1. Khái niệm

Ví dụ 1/SGK/21

- Các từ in đậm: mặt, mắt, da, gò má, đùi, đầu, cánh tay, miệng
- Điểm chung: đều chỉ bộ phận trên cơ thể
- Trường từ vựng “bộ phận cơ thể”
- Trường từ vựng (Ghi nhớ/SGK/21)

2. Lưu ý

- Một trường từ vựng có thể bao gồm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn

Ví dụ: trường từ vựng “tay”:

- Bộ phận của tay: cánh tay, bàn tay, ngón tay, móng tay,...
- Hoạt động của tay: vẫy tay, cầm tay, nắm tay,...
- Đặc điểm của tay: tay thon, tay dài, tay tròn,...
- Một trường từ vựng có thể bao gồm những từ khác biệt nhau về từ loại
- Do hiện tượng nhiều nghĩa, một từ có thể thuộc nhiều trường từ vựng khác nhau

Ví dụ: từ “ngọt”:

- Thuộc trường mùi vị

- Thuộc trường âm thanh
 - Thuộc trường thời tiết
- Người ta thường dùng các chuyển trường từ vựng để tăng thêm tính nghệ thuật của ngôn từ và khả năng diễn đạt

Ví dụ: Trong tác phẩm “Mưa” – Trần Đăng Khoa, tác giả đã chuyển các từ thuộc trường từ vựng “người” sang trường từ vựng “sự vật” để nhân hoá

Ông trời

Mặc áo giáp đen

Ra trận

Muôn nghìn cây mía

Múa giương”

II. LUYỆN TẬP

Hoàn thành các bài tập 1,2,3,4,5,6/SGK/23-24

TỪ TƯỢNG HÌNH – TỪ TƯỢNG THANH

I. ĐẶC ĐIỂM, CÔNG DỤNG

Ví dụ/SGK/49

- Từ gọi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái: móm mém, xồng xộc, vật vã, rũ rượi, xộc xệch, sòng sọc

→ Từ tượng hình

- Từ mô phỏng âm thanh: hu hu, ư ử

→ Từ tượng thanh

→ *Tác dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh gọi hình ảnh, gọi âm thanh cụ thể, sinh động, mang lại giá trị biểu cảm cao*

⇒ Ghi nhớ (SGK/49)

▪ Lưu ý

- Từ tượng hình, từ tượng thanh thường được sử dụng trong văn miêu tả và tự sự

II. LUYỆN TẬP

Hoàn thành các bài tập 1,2,3,4/SGK/49-50

VIẾT NGẮN

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Viết được đoạn văn hoàn chỉnh</p> <p><u>Hoạt động:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Ôn lại kiến thức về đoạn văn <ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào kiến thức đã học ở đơn vị bài “<i>Xây dựng đoạn văn trong văn bản</i>” (SGK/34), em hãy thực hiện các yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> + Nhắc lại thế nào là đoạn văn? Thế nào là câu chủ đề và từ ngữ chủ đề? + Cách trình bày nội dung đoạn văn như thế nào? <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy cho biết cấu trúc đoạn văn gồm có bao nhiêu phần? ▪ Hướng dẫn thực hành viết đoạn văn nghị luận <ul style="list-style-type: none"> - Khi viết đoạn văn nghị luận cần thực hiện các bước như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bước 1: Xác định chủ đề, câu chủ đề, từ ngữ chủ đề (Viết về cái gì? Những từ ngữ dự định sử dụng có thuộc chủ đề hay không? ...) và chọn vị trí cho câu chủ đề + Bước 2: Viết câu mở đoạn (có thể chứa câu chủ đề) để giới thiệu vấn đề + Bước 3: Viết thân đoạn bao gồm từng công đoạn giải thích cụm từ hoặc cả câu, bàn luận (lý giải nguyên nhân, đưa ra những dẫn chứng cụ thể, xác thực, lợi ích hoặc tác

	<p>hại của vấn đề, mở rộng – phản bác vấn đề, rút ra bài học cho bản thân...)</p> <p>+ Bước 4: Viết kết đoạn (có thể chứa câu chủ đề) nhằm khẳng định lại tính chính xác của vấn đề, bao quát, tóm gọn lại vấn đề</p>
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i></p>	<p>Em hãy viết đoạn văn ngắn (7-10 câu) trình bày suy nghĩ của em về lòng nhân ái với câu chủ đề “<i>Nhân ái là chiếc chìa khóa mở ra cánh cổng hạnh phúc</i>”</p>

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục:	

BÀI VIẾT SỐ 1

(Văn bản tự sự)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để làm bài tập làm văn số 1</p> <p><u>Hoạt động:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Ôn lại kiến thức <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy cho biết bố cục một bài văn tự sự gồm những phần và nội dung gì? - Những yêu cầu cần có của một văn bản về cả nội dung lẫn hình thức gồm những gì? - Trong văn bản tự sự, có thể có sự kết hợp với miêu tả, biểu cảm không? - Quá trình tạo lập văn bản gồm những bước nào? ▪ Hướng dẫn thực hành <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc các đề tham khảo SGK/37, sau đó chọn một đề mà bản thân yêu thích nhất để thực hành lập dàn ý - Xây dựng bố cục văn bản hoàn chỉnh và lập dàn ý <p>+ Mở bài: Giới thiệu sự việc mình sẽ kể (Đó là chuyện gì? Có những ai tham gia? Diễn ra ở đâu, vào thời gian nào? Cảm xúc lúc đó ra sao? ...)</p> <p>+ Thân bài: Kể lại diễn biến sự việc (chú ý lồng ghép miêu tả, biểu cảm về những đối tượng được đề cập đến)</p>

	+ Kết bài: Kết thúc sự việc và suy nghĩ của bản thân về sự việc đó (Sự việc có ấn tượng gì đối với bản thân? Cảm xúc mỗi khi nhắc lại sự việc ấy như thế nào? ...)
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	- Viết hoàn chỉnh đề văn mà bản thân đã chọn

B. THẮC MẮC CỦA HỌC SINH

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Ngữ văn	Mục:	